

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: **28/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 13/5/2021

V/v tranh chấp "ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY-TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Thoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Cao Châu Tiếp

Ông Huỳnh Ngọc Trứ

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Phong Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Liễu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 453/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2020 về việc "*Tranh chấp ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự.

Nguyên đơn: Bà A, sinh năm 1976;

Địa chỉ: ấp A1, xã A2, thị xã A3, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Ông B, sinh năm 1976;

Địa chỉ: ấp A1, xã A2, thị xã A3, tỉnh Tiền Giang.

(bà A có mặt, ông B vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 15/12/2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: bà và ông B được gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện D (nay là thị xã A1), tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 15 ngày 20/4/2002. Trong quá trình chung sống hạnh phúc thời gian đầu thì đến năm 2016 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông B không có trách nhiệm với gia đình, vào đầu năm 2020 thì ông B thường xuyên ăn nhậu, khi nhậu về thì đập phá đồ đạc trong nhà, dùng lời lẽ thô tục xúc phạm bà và gia đình bà, ông B còn

đánh bà A. Bà và ông B đã ly thân và cắt đứt quan hệ vợ chồng từ năm 2018 đến nay. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng đã thật sự rạn nứt, không còn khả năng hàn gắn. Nên bà yêu cầu ly hôn với ông B, vì cho rằng về tình cảm vợ chồng không còn, nên đoàn tụ lại sống không hạnh phúc.

Về con chung: Có 02 con chung tên E, sinh ngày 05/4/2002 và E1, sinh ngày 10/10/2015. Khi ly hôn đối với cháu E đã thành niên và có khả năng lao động nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, bà A yêu cầu nuôi dưỡng cháu E1. Bà không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 12/01/2021 bị đơn ông B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: ông thống nhất lời trình bày của bà A về thời gian kết hôn, về mâu thuẫn vợ chồng do chuyện hiểu lầm trong chuyện vợ ông không chung thủy với ông, thỉnh thoảng thì ông có nhậu, khi đi nhậu về thì ông có đập phá đồ đạc 02 lần, ông có dùng lời lẽ xúc phạm bà A và gia đình bà A. Ông có đánh bà A một lần, lúc đó thì ông có tát bà một bực tay. Nay bà A yêu cầu ly hôn ông không đồng ý ly hôn, ông hứa sẽ khắc phục, sửa chữa lại nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng.

Về con chung: Có 02 con chung như bà A trình bày là đúng. Khi ly hôn đối với cháu E đã thành niên nên ông không yêu cầu tòa án giải quyết, ông đồng ý để con chung tên E1 cho bà A nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bị đơn ông B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông B vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến gì khác ngoài những lời trình bày tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 12/01/2021 đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các thủ tục theo pháp luật tố tụng quy định, những người tham gia tố tụng chấp hành tốt quy định của pháp luật nên không có ý kiến gì.

- Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận: yêu cầu xin ly hôn của bà A cho bà A được ly hôn với ông B.

- Về con chung: Tiếp tục giao cháu E1, sinh ngày 10/10/2015 cho bà A tiếp tục nuôi dưỡng, ông B không phải cấp dưỡng nuôi con do bà A chưa có yêu cầu.

Ông B có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

- Về án phí: bà A phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở lời trình bày của các đương sự, các tài liệu chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn ông B vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt bị đơn tại phiên tòa là phù hợp.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xác định quan hệ tranh chấp “Ly hôn”, bị đơn ông B có hộ khẩu thường trú tại A1, xã A2, thị xã A3, tỉnh Tiền Giang căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[3] Về quan hệ hôn nhân: bà A và ông B tổ chức đám cưới và chung sống với nhau vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Cai Lậy (nay là thị xã A1), tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 15 ngày 20/4/2002 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy, bà A trình bày bà và ông B sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì đến năm 2016 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông B không có trách nhiệm với gia đình, vào đầu năm 2020 thì ông B thường xuyên ăn nhậu, khi nhậu về thì đập phá đồ đạc trong nhà, dùng lời lẽ thô tục xúc phạm bà A và gia đình bà A, ông B còn đánh bà A. Bà và ông B đã ly thân và cắt đứt quan hệ vợ chồng từ năm 2018 đến nay. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, đoàn tụ lại sống không hạnh phúc nên bà yêu cầu ly hôn với ông B. Trong quá trình giải quyết vụ án tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 12/01/2021 ông B trình bày thống nhất với bà A về thời gian kết hôn. Về mâu thuẫn vợ chồng do chuyện hiểu lầm trong chuyện bà A không chung thủy với ông, thỉnh thoảng thì ông có nhậu, khi đi nhậu về thì ông có đập phá đồ đạc 02 lần, ông có dùng lời lẽ xúc phạm bà A và gia đình bà A. Ông có đánh bà A một lần, lúc đó thì ông có tát bà một bực tay. Nay bà A yêu cầu ly hôn ông không đồng ý ly hôn, ông hứa sẽ khắc phục, sửa chữa lại nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Từ khi bà A nộp đơn xin ly hôn với ông B cho đến nay thì bà A và ông B cũng không hòa giải hàn gắn được, quan hệ hôn nhân giữa bà A và ông B vẫn không được cải thiện. Mặc dù, bà A và ông B vẫn còn sống chung nhà nhưng từ tháng 11/2018 cho đến nay thì vợ chồng đã sống ly thân và cắt đứt quan hệ vợ chồng, mạnh ai nấy sống không quan tâm gì nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, hơn nữa tại phiên tòa bà A trình bày không còn tình cảm gì đối với ông B, tại buổi hòa giải ngày

12/01/2021 ông B không đồng ý ly hôn, ông hứa sẽ sửa chữa lại nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng nhưng đến phiên hòa giải ngày 26/01/2021 thì ông B không đến và cũng không có mặt tại phiên tòa thể hiện ông B không có thiện chí và biện pháp để vợ chồng hàn gắn tình cảm đoàn tụ lại. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay mặc dù Tòa án đã động viên phân tích, hòa giải nhưng bà B khẳng định không còn tình cảm gì với ông B nữa, không muốn vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ lại mà vẫn kiên quyết ly hôn. Lời trình bày của bà A về việc ông B có đánh bà cũng phù hợp với nội dung của biên bản xác minh ngày 04/01/2021. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà A và ông B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà A.

[4] Về con chung: Có 02 con chung tên E, sinh ngày 05/4/2002 và E1, sinh ngày 10/10/2015. Khi ly hôn bà A và ông B thống nhất hiện con chung E đã thành niên, có khả năng lao động được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, giao cháu E1 cho bà A tiếp tục nuôi dưỡng, ông B không cấp dưỡng nuôi con do bà A không yêu cầu. Do đó, để ổn định cuộc sống cho cháu E1 nên giao cháu E1 cho A chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung: Bà A và ông B thống nhất tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Bà A và ông B thống nhất tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Buộc bà A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xét đề nghị của phía đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận đề nghị của phía đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà A được ly hôn với ông B.

2. Về con chung: Giao cháu E1, sinh ngày 10/10/2015 cho bà A tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, ông B không phải cấp dưỡng nuôi con do bà A chưa có yêu cầu.

Ông B có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí: Bà A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà A đã nộp theo biên lai thu số 0006681 ngày 15/12/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên xem như bà A đã nộp xong tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Bà A có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Kim Thoa

